

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 11-10-2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Bá Đức.

Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre; nơi ở hiện nay: ấp X, xã Y, thành phố Z, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn Đ - Sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 8 năm 2018, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tổ chức lễ cưới vào năm 2009; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 4 năm 2009 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn; việc kết hôn là hoàn toàn tự

nguyên, không ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ có quen biết với người phụ nữ khác nên từ đó làm cho tình cảm của vợ chồng ngày càng phai nhạt, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Chị và anh Đ sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, không ai quan tâm gì đến ai mà mạnh ai nấy sống. Sau khi chị và anh Đ sống ly thân thì anh Đ chung sống với người phụ nữ khác, hoàn toàn không có quan tâm gì đến chị và con. Cho rằng cuộc hôn nhân đã không còn hạnh phúc nữa nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Đ, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đ có một người con chung là: Phan Thanh D - Sinh ngày 08/5/2009, hiện đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày là không có.

Bị đơn là anh Phan Văn Đ vắng mặt trong các phiên hòa giải và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Đ, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, yêu cầu được nuôi người con chung là Phan Thanh D (hiện đang sống chung với chị L), không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định chị và anh Đ không có nợ chung.

Bị đơn là anh Phan Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cụ thể: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Văn Đ, giao cho chị L được quyền nuôi người con chung giữa chị với anh Phan Văn Đ là Phan Thanh D, ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh Đ cấp

đưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Phan Văn Đ có địa chỉ tại ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Phan Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, anh Phan Văn Đ cũng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Phan Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. Việc kết hôn giữa chị L với anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, chị L cho rằng cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị L xác định được giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Anh Đ không có mặt tại các phiên hòa giải, tại phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để gặp gỡ, trao đổi với chị L nhằm mục đích đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh Đ đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung:

[4.1] Chị L yêu cầu được nuôi người con chung là: Phan Thanh D - Sinh ngày 08/5/2009. Xét thấy, Phan Thanh D hiện nay đã trên bảy tuổi, tại biên bản về việc hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân gia đình lập ngày 31/8/2018 thì Phan Thanh D có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là chị L, đồng thời kể từ khi sống ly thân cho đến hiện nay thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D, trong khi đó anh Đ vắng mặt

trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và không gửi cho Tòa án văn bản nào có yêu cầu về việc nuôi con nên giao cháu D cho chị L tiếp tục, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Phan Văn Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị Nguyễn Thị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

2) Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Phan Văn Đ là: Phan Thanh D - Sinh ngày 08 tháng 5 năm 2009 (hiện đang sống chung với chị L). Anh Phan Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Phan Văn Đ có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Phan Văn Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục,

nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Phan Văn Đ.

2.3. Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị L, anh Phan Văn Đ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3) Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Phan Văn Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị Nguyễn Thị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0018842 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre, chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5) Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Phan Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên

